



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
THAI NGUYEN UNIVERSITY

ISSN 1859 - 2171

TẠP CHÍ

KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI - NHÂN VĂN - KINH TẾ
SOCIAL SCIENCES - HUMANITIES - ECONOMICS

Tập 167, số 07, 2017

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI – NHÂN VĂN – KINH TẾ

| Mục lục | Trang |
|--|-------|
| Nguyễn Đại Đồng - Hoạt động khai thác mỏ ở Lào Cai dưới thời Gia Long và Minh Mệnh | 3 |
| Dương Thị Huyền - Thương mại châu Âu và những tác động đến tình hình chính trị Đàng Trong thế kỷ XVI- XVIII | 9 |
| Trần Thị Nhung - Miêu tả tình tiết trong <i>Truyện Kiều</i> và <i>Kim Vân Kiều Truyện</i> | 15 |
| Nguyễn Thị Hải Phương - Bản chất của ngôn từ văn học (nghĩ từ bài viết <i>Bản chất xã hội, thẩm mỹ của diễn ngôn văn học</i> của Trần Đình Sử) | 21 |
| Phạm Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Thu Trang, Ngô Thị Lan Anh - Ảnh hưởng của lễ hội Vu Lan đến đời sống đạo đức của nhân dân huyện Quốc Oai, Hà Nội | 25 |
| Phạm Thị Ngọc Anh - Hình tượng văn thủy ba trong mỹ thuật cổ Việt Nam và các ứng dụng trên sản phẩm mỹ thuật tạo hình hiện đại | 31 |
| Trương Thị Phương - Giải pháp ứng dụng hiệu quả thông tin đồ họa trên báo điện tử | 37 |
| Phạm Thị Nhân - Ấn dụ từ vị giác “ngọt” trong tiếng Hán hiện đại | 43 |
| Lương Thị Thanh Dung - Sự khác nhau về kết cấu chữ Nôm của văn bản <i>Thiên tông bản hạnh</i> giữa bản in năm 1745 và bản in năm 1932 | 49 |
| Nguyễn Thị Quế, Phạm Phương Hoa - Đánh giá sự phù hợp của giáo trình New English File đối với việc giảng dạy sinh viên không chuyên ngữ tại Trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên | 55 |
| Hoàng Thị Thắm - Nghiên cứu về siêu nhận thức trong nghe tiếng Anh của sinh viên chương trình tiên tiến tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên | 61 |
| Nguyễn Quỳnh Trang, Dương Công Đạt, Vũ Kiều Hạnh - Thiết kế chương trình hỗ trợ nói cho học sinh lớp 10 Trường Trung học Phổ thông Thái Nguyên | 67 |
| Nguyễn Khánh Như - Sự phát triển của hệ thống các trường đại học sư phạm trọng điểm Trung Quốc hiện nay | 73 |
| Nguyễn Văn Hồng, Vũ Thị Thanh Thủy - Dạy học theo dự án và vấn đề phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho học sinh trong dạy học Sinh thái học ở trung học phổ thông | 79 |
| Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thị Hoa Hồng - Nâng cao tính ứng dụng trong xây dựng chương trình đào tạo đại học tại Việt Nam – bài học từ chương trình giáo dục đại học định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE) | 85 |
| Phạm Thị Bích Thảo, Nguyễn Thành Trung - Lựa chọn bài tập thể lực chuyên môn nâng cao kết quả học tập chạy cự ly ngắn cho sinh viên khóa 14 Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên | 91 |
| Lê Huy Hoàng, Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Thị Ngân, Vũ Thị Vân Anh - Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ hóa học của học sinh phổ thông trong dạy học các nội dung về hóa học hữu cơ chương trình hóa học lớp 12 nâng cao | 97 |
| Nguyễn Trọng Du - Phỏng vấn ‘nhóm tập trung’: một phương pháp thu thập dữ liệu hiệu quả với các nghiên cứu khoa học xã hội | 103 |
| Đỗ Thị Thái Thanh, Trương Tấn Hùng, Đào Ngọc Anh - Xây dựng hồ sơ năng lực bồi dưỡng giáo viên thể dục các trường trung học phổ thông các tỉnh miền núi phía Bắc | 109 |
| Nguyễn Ngọc Bình, Dương Tố Quỳnh, Nguyễn Văn Thanh - Thực trạng sử dụng hệ thống phương tiện chuyên môn trong giảng dạy môn bóng chuyền cho sinh viên Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên | 115 |
| Lê Văn Hùng, Nguyễn Nhạ - Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động câu lạc bộ bóng đá nam sinh viên Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên | 119 |

| | |
|--|-----|
| Nguyễn Văn Dũng, Lê Văn Hùng - Một số giải pháp giúp sinh viên lựa chọn môn học tự chọn trong chương trình giáo dục thể chất dành cho sinh viên không chuyên thể dục thể thao Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên | 125 |
| Nguyễn Văn Chiến, Nguyễn Trường Sơn, Đỗ Như Tiến - Một số kết quả ban đầu trong việc áp dụng CDIO để xây dựng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tại Đại học Thái Nguyên | 131 |
| Đỗ Quỳnh Hoa - Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc xây dựng lối sống cho sinh viên Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông – Đại học Thái Nguyên trong giai đoạn hiện nay | 135 |
| Phạm Văn Hùng, Nguyễn Huy Hùng - Đánh giá đầu ra của chương trình đào tạo qua mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp | 141 |
| Ngô Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thu Hiền - Yêu cầu khách quan của việc đổi mới quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông nước ta hiện nay | 147 |
| Trương Thị Thu Hương, Trương Tuấn Anh - Ứng dụng dạy học dự án trong đào tạo giáo viên kỹ thuật tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên | 153 |
| Dương Quỳnh Phương, Trần Việt Khanh, Đồng Duy Khánh - Những nhân tố chi phối đến văn hóa tộc người và văn hóa cộng đồng dân tộc dưới góc nhìn địa lí học | 159 |
| Nguyễn Thị Thanh Tâm, Trần Quyết Thắng, Đào Thị Hương - Đánh giá mức độ hài lòng của khách du lịch đối với đội ngũ hướng dẫn viên du lịch tại một số công ty kinh doanh lữ hành trên địa bàn thành phố Thái Nguyên | 165 |
| Nguyễn Văn Chung, Đinh Hồng Linh - Các yếu tố thành công cho website thương mại điện tử: trường hợp doanh nghiệp du lịch nghỉ dưỡng vừa và nhỏ ở Quảng Bình | 171 |
| Đặng Thị Bích Huệ - Dự án hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn tinh Tuyên Quang và các tác động đến đời sống người dân trên địa bàn xã Minh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang | 177 |
| Lương Văn Hình, Lương Trung Thuyền - Nghiên cứu biến động giá đất ở trên địa bàn thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2011 – 2015 | 183 |
| Nguyễn Tú Anh, Nguyễn Thị Lan Anh, Nguyễn Thành Minh - Nghiên cứu các mối quan hệ cung ứng dịch vụ quản trị hoạt động có dịch vụ trách nhiệm xã hội: trường hợp điển cứu tại các công ty dịch vụ vận tải chờ khách vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên | 189 |
| Nguyễn Thị Thu Thương, Hoàng Ngọc Hiệp - Thực trạng quản lý vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên | 193 |
| Tạ Thị Thanh Huyền, Nguyễn Mạnh Dũng - Tăng cường quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên | 199 |
| Nguyễn Thị Kim Huyền - Ứng dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS): kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam | 205 |
| Nguyễn Thị Nhung, Phan Thị Vân Giang - Tạo động lực cho các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân đầu tư trực tiếp ra nước ngoài | 211 |
| Phạm Thuỳ Linh, Phạm Hoàng Linh, Trần Thị Thu Trâm - Xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập mới | 219 |
| Nguyễn Thị Thu Trang, Trần Bích Thủy - Động lực làm việc của cán bộ công chức xã phường: nghiên cứu điển hình tại thành phố Thái Nguyên | 225 |
| Nguyễn Thu Thủy, Hoàng Thái Sơn - Bài học kinh nghiệm trong quản lý rủi ro thanh khoản đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu | 231 |
| Ngô Thúy Hà - Định hướng phát triển dịch vụ tín dụng cho hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam đến năm 2020 | 237 |
| Đoàn Quang Thiệu - Một số kết quả xây dựng mô hình học tập, thực hành về kế toán doanh nghiệp | 243 |

TẠO ĐỘNG LỰC CHO CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC THÀNH PHẦN KINH TẾ TƯ NHÂN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP RA NƯỚC NGOÀI

Nguyễn Thị Nhung¹, Phan Thị Vân Giang^{2*}

¹Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh – ĐH Thái Nguyên

²Đại học Thái Nguyên

TÓM TẮT

Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (ĐTTRNN) ngày càng phát triển mạnh mẽ trong những thập kỷ gần đây và thực sự trở thành một đặc trưng cơ bản của nền kinh tế hiện đại. Năm 2016, nền kinh tế Việt Nam đi vào hội nhập sâu với kinh tế thế giới. Để hiện đại hóa nền kinh tế, phát triển năng lực đổi mới sáng tạo cần lấy khu vực kinh tế tư nhân làm trung tâm, xem đây là chìa khóa để mở đường dịch chuyển lên vị trí cao hơn trong chuỗi giá trị tại các nước công nghiệp hóa. Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài không những đem lại “chiếc bánh thứ hai” cho doanh nghiệp, đó là cơ hội để doanh nghiệp khẳng định thương hiệu của mình trong trường quốc tế. Thực tế, vai trò và năng lực của thành phần kinh tế tư nhân trong thời gian gần đây cũng đã được Việt Nam chú trọng và nâng cao hơn để trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế, song, trong môi trường cạnh tranh khốc liệt, khi doanh nghiệp vươn ra biển lớn, khu vực kinh tế tư nhân rất cần tiếp tục được Nhà nước tạo cơ hội, được cạnh tranh công bằng và nhận được nhiều sự hỗ trợ từ phía Nhà nước. Bằng phương pháp nghiên cứu số liệu thứ cấp kết hợp với kết quả khảo sát các doanh nghiệp ĐTTRNN của tác giả, tác giả đã nghiên cứu thực trạng ĐTTRNN của các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân từ đó đề xuất 3 giải pháp nhằm tạo động lực cho các thành phần doanh nghiệp này ĐTTRNN.

Từ khóa: đầu tư, đầu tư nước ngoài, kinh tế tư nhân, vốn đầu tư, dự án đầu tư.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đến nay, hoạt động ĐTTRNN của Việt Nam đã được Chính phủ Việt Nam khuyến khích các doanh nghiệp, nhà đầu tư Việt Nam tìm kiếm cơ hội đầu tư kinh doanh tại nước ngoài. Hoạt động ĐTTRNN đã được luật hóa và được điều chỉnh, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với thực tiễn. Theo đó, các thủ tục liên quan tới hoạt động đầu tư ra nước ngoài đã được đơn giản hóa, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho nhà đầu tư rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính. Tính đến quý IV năm 2016, Việt Nam đã có 1.103 dự án ĐTTRNN tại 68 quốc gia và vùng lãnh thổ với tổng vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam đạt 20,4 tỷ USD. Lĩnh vực đầu tư chủ yếu là nông lâm nghiệp, khai khoáng, viễn thông, tài chính ngân hàng... [2]. Sau khoảng thời gian gần 30 năm kể từ khi có dự án ĐTTRNN của Việt Nam đầu tiên, các dự án đầu tư có quy mô vốn lớn chủ yếu là các dự án của các doanh nghiệp, tập đoàn

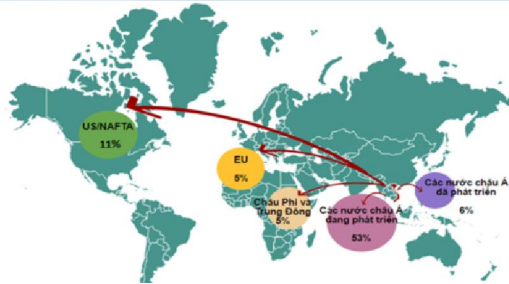
thuộc thành phần kinh tế nhà nước song hiệu quả hoạt động của các dự án này chưa có điểm nổi bật đáng kể. Trong khi nhu cầu vốn đầu tư trong nước vẫn còn khá lớn, cùng với sự lớn mạnh của các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân, nhà nước cần có sự kiểm soát chặt chẽ hơn nữa dòng vốn ĐTTRNN của khối DNNN, bên cạnh đó cần có sự thông thoáng, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khối doanh nghiệp tư nhân được chủ động hơn với hoạt động đầu tư của doanh nghiệp.

Theo khảo sát Vietnam Report thực hiện tháng 11 năm 2016 cho thấy, 45% doanh nghiệp Việt Nam muốn đầu tư ra nước ngoài. Điểm đến mà các doanh nghiệp Việt Nam quan tâm là Canada, Mỹ, Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia, Malaysia...[1]

Tuy nhiên, đó là mong muốn của doanh nghiệp, cũng thể hiện sự trưởng thành của các doanh nghiệp Việt, song để thực thi được cần nhà nước sớm dỡ bỏ những rào cản đồng thời tạo các động lực mạnh mẽ hơn nữa giúp các

* Tel: 0912417207; Email: giangptv@tmu.edu.vn

doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân thực hiện được các cơ hội đầu tư cũng như mang lại những thành công cho doanh nghiệp và cho nền kinh tế đất nước.



Hình 1. Các thị trường các doanh nghiệp Việt Nam muốn đầu tư [1]

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu thứ cấp; phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình và phương pháp phân tích thống kê mô tả thông tin được thu thập. Tác giả sử dụng cả số liệu thứ cấp và số liệu sơ cấp. Số liệu sơ cấp được tiến hành thu thập bằng phương pháp điều tra bảng hỏi các doanh nghiệp đã và đang có hoạt động ĐTTTRNN theo mẫu câu hỏi phỏng vấn các doanh nghiệp. Để thu thập thông tin tác giả dùng cả hai cách: thư điện tử, thư tín và thu thập trực tiếp trong đó thu thập trực tiếp là chủ yếu. Tác giả đã phát ra 160 phiếu hỏi và thực tế đã thu về được 140 phiếu hợp lệ*

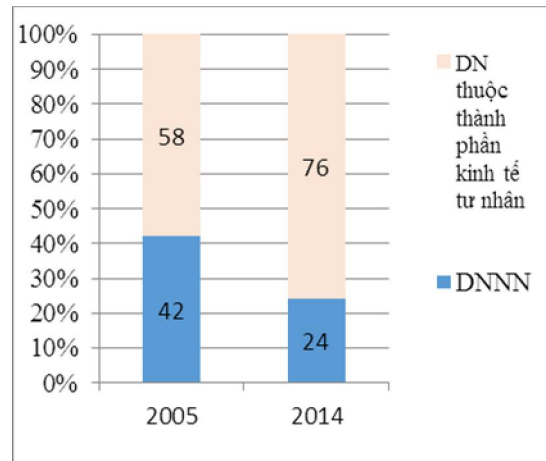
HOẠT ĐỘNG ĐTTTRNN CỦA DOANH NGHIỆP THUỘC THÀNH PHẦN KINH TẾ TƯ NHÂN

Thực trạng ĐTTTRNN của các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân

Trong thời gian gần đây, hoạt động ĐTTTRNN của các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân cũng ngày càng khởi sắc, do vậy, sự điều tiết của nhà nước cũng cần có những điều chỉnh linh hoạt cho phù hợp.

Trước năm 2005, DNNN chiếm tới 42% số dự án và trên 90% vốn đầu tư nhưng đến năm 2014, số dự án của các DNNN được cấp phép chỉ chiếm 11,5% còn lại 12,5% dự án ĐTTTRNN được cấp phép là của nhà đầu tư

(NĐT) cá nhân, 76% dự án của các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân.



Hình 2. Cơ cấu % số dự án ĐTTTRNN

(Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài)

Trong hoạt động ĐTTTRNN trong thời gian qua, các DNNN vẫn là các đơn vị đi đầu trong các lĩnh vực thúc đẩy đầu tư của Việt Nam theo định hướng của Chính phủ. Trong số các NĐT (nhà đầu tư) lớn có tổng mức ĐTTTRNN trên 1 tỉ USD, hầu hết là các DN (doanh nghiệp) sở hữu vốn nhà nước như: Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam, Tập đoàn Viettel, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và Tổng Công ty Sông Đà. Các dự án của khối doanh nghiệp này thường có các dự án có quy mô vốn đầu tư khá lớn, ngoài mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận còn góp phần thực hiện các mục tiêu an ninh, quốc phòng của quốc gia và định hướng chiến lược phát triển của ngành. Các dự án của khối DNNN khi ĐTTTRNN phải tuân thủ các quy định chung của pháp luật về ĐTTTRNN và các quy định riêng về sử dụng vốn Nhà nước. Hệ thống văn bản hiện tại về ĐTTTRNN bao gồm các quy định về cấp phép, quản lý hoạt động, chuyển vốn đầu tư, vấn đề tài chính đã được các bộ, ngành liên quan xây dựng một cách tương đối đầy đủ, thậm chí một số lĩnh vực đặc thù như ĐTTTRNN trong lĩnh vực dầu khí, trong lĩnh vực KHCN cũng có nhưng theo văn bản pháp luật điều chỉnh riêng.

Tuy vậy, cùng với xu hướng phát triển chung, các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư

* Kết quả khảo sát của tác giả về hoạt động ĐTTTRNN của các doanh nghiệp Việt Nam, tháng 5 năm 2016.

nhân Việt Nam cũng đã bắt đầu mạnh dạn ĐTTTRNN, thậm chí, nhiều DN đã thu được lợi nhuận lớn. Trong năm 2014, có 12,5% dự án ĐTTTRNN được cấp phép là của NĐT cá nhân, 76% dự án của các DN thuộc thành phần kinh tế tư nhân.

Trên thực tế, bên cạnh các Tổng công ty, DNNN, nhiều DN thuộc thành phần kinh tế tư nhân như: Tập đoàn Sơn KOVA, Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai, Công ty Cổ phần thủy sản Hùng Vương, Tập đoàn TH True milk, Tập đoàn Hoa Sen... thậm chí có cả các DN vừa và nhỏ cũng đang dốc sức để vươn mình ra thế giới. Tiêu biểu như Công ty Cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk). Năm 2016, vừa tròn 40 năm thành lập, đến nay Vinamilk đã trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong ngành sữa tại Việt Nam và đang vươn mình mạnh mẽ ra quốc tế [4]. Không chỉ dừng lại ở việc đã xuất khẩu các sản phẩm ra 43 nước mà hiện nay Vinamilk đã đầu tư 22,8% vốn cổ phần tại nhà máy Miraka (New Zeland), đầu tư 100% cổ phần vào nhà máy Drifwood (Mỹ), nắm giữ 51% cổ phần đầu tư nhà máy Angkor Milk tại Campuchia và công ty con tại Ba Lan để làm cửa ngõ giao thương các hoạt động thương mại của Vinamilk tại châu Âu. Tại Campuchia, tháng 5/2016 vừa qua, Vinamilk đã khánh thành nhà máy sữa Angkor tại Phnom Penh sau 10 năm thâm nhập và tìm hiểu thị trường nước này.

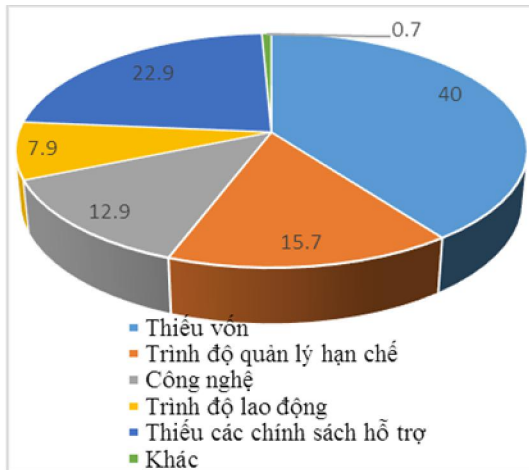
Trong thời gian gần đây, Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai đã đầu tư khá nhiều dự án quy mô lớn tại Lào, Campuchia, Myanmar [5]. Một số NĐT tư nhân khác của Việt Nam cũng tranh thủ thị trường bất động sản thế giới sụt giảm mạnh để đầu tư mua lại một số hãng SXKD, cơ sở sản xuất, trung tâm thương mại quy mô vừa và nhỏ tại Hoa Kỳ, Châu Âu, Australia để mở rộng phạm vi ảnh hưởng của mình ra bên ngoài,... Các dự án đầu tư của tư nhân đã bắt đầu phát huy hiệu quả, tuy nhiên phần lớn các dự án đầu tư quy mô lớn, mục tiêu đầu tư thường mang tính dài hạn nên trong thời gian ngắn chưa thể hiện được các con số về doanh thu, lợi nhuận chuyển về

nước. Bên cạnh đó, với các doanh nghiệp có hoạt động ĐTTTRNN, ngoài mục tiêu kinh tế còn mang sứ mệnh chính trị, an ninh quốc phòng. Song, với các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân, khi gặp khó khăn trong SXKD, việc bán bớt tài sản để cứu DN là dĩ nhiên, Nhà nước không có quyền cấm họ bán. Nhưng với những trường hợp DN ĐTTTRNN tại các địa bàn ở ngoài nước nhưng có liên quan chính trị, an ninh quốc phòng như các dự án trồng cây cao su ở phía Nam Lào, giáp Việt Nam của Hoàng Anh Gia Lai thì nhà nước cần điều chỉnh chính sách liên quan thuế, lãi suất cho doanh nghiệp để tránh trường hợp DN bán cho đối tác thiếu thiện chí với Việt Nam.

Như vậy, trong thời gian qua, các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân cũng đã rất mạnh dạn đầu tư vốn ra nước ngoài, các doanh nghiệp này cũng đã biết tận dụng lợi thế của mình, tuy vậy hiện các doanh nghiệp này vẫn gặp không ít khó khăn. Thế mạnh của các DNTN so với các DNNN là nhanh chóng thích nghi với tình hình mới, linh hoạt trong việc ra các quyết định đầu tư. Tuy nhiên, với các hiệp định song phương ký giữa chính phủ Việt Nam với chính phủ một nước nào đó thường có các ưu đãi mà hai chính phủ dành cho nhau thường chỉ được công bố trong nội bộ ngành, lĩnh vực và cũng thường được chỉ định cho doanh nghiệp ngành đó thực hiện khiến cho các doanh nghiệp khối tư nhân khó có cơ hội tham gia. Do đó, với khối các DNTN sẽ khó khăn hơn trong ĐTTTRNN, doanh nghiệp cần phải làm từ nhỏ đến lớn. Hơn nữa, để thuận lợi hơn khi làm việc tại nước ngoài, theo ý kiến của một số doanh nghiệp, luật lệ của các quốc gia sẽ có nhiều điểm chung nhưng vẫn có sự khác biệt, nhưng nếu biết cách tận dụng thì doanh nghiệp sẽ làm được. Doanh nghiệp sẽ thuận lợi hơn nếu được nhà nước, cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài hỗ trợ, tư vấn, làm các thủ tục giấy tờ liên quan pháp lý. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp thuộc khối DNTN được hoàn toàn chủ động với quyết định đầu tư của mình nên nhà

nước cũng cần có những hỗ trợ đặc biệt với khối doanh nghiệp này với những trường hợp dự án ĐTTTRNN có ảnh hưởng đến chính trị, an ninh quốc phòng của quốc gia.

Một số khó khăn trong hoạt động ĐTTTRNN của các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân



Hình 3. Các khó khăn khi doanh nghiệp ĐTTTRNN

(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả)

Về những khó khăn khi ĐTTTRNN, có đến 40% số doanh nghiệp cho rằng “Thiếu vốn” là khó khăn lớn nhất, sau đó đến “Thiếu các chính sách hỗ trợ” chiếm 22.9%, “Trình độ quản lý hạn chế” chiếm 15.7%, “Công nghệ hạn chế” chiếm 12.9% và cuối cùng là “Trình độ lao động hạn chế” chiếm 7.9%.

Hoạt động hỗ trợ về vốn và thực hiện chính sách bảo đảm tiền vay cho ĐTTTRNN của nước ta còn hạn chế, phần nào làm lượng vốn đầu tư thực hiện khá khiêm tốn; Tỷ lệ giải ngân, thực hiện Dự án đầu tư (DADT) còn thấp. Các văn bản, về mặt chính sách về hoạt động này cũng đã đề cập tới nhưng quá trình thực thi còn rất khiêm tốn. Việc hỗ trợ về vốn cho các doanh nghiệp có dự án ĐTTTRNN chưa thực sự hiệu quả, chưa đáp ứng tốt được cho doanh nghiệp. Với các doanh nghiệp trong quá trình triển khai dự án đầu tư ở nước ngoài, ngoài khó khăn về thủ tục hành chính thì việc triển khai dự án đầu tư chậm còn có nguyên nhân là do chủ đầu tư thiếu vốn, tìm hiểu môi trường đầu tư không kỹ nên sau khi được cấp giấy phép, nhiều khó khăn mới phát sinh làm chậm tiến trình triển khai dự án.

Bên cạnh đó, thực tế vẫn còn có sự bất bình đẳng giữa các doanh nghiệp sử dụng vốn nhà nước với các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân trong hoạt động khuyến khích, hỗ trợ ĐTTTRNN. Về đánh giá sự bình đẳng trong các chính sách của nhà nước với các loại hình doanh nghiệp khác nhau, đa số các doanh nghiệp đều cho rằng chưa có sự bình đẳng hoàn toàn trong thực thi các chính sách giữa DNNN với các loại hình DN khác, trong đó 66.4% DN cho rằng các chính sách của nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện

Bảng 1. Đánh giá về sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp

| Đánh giá sự bình đẳng giữa DNNN và DN khác | Tần số | | % tích lũy |
|--|------------|--------------|------------|
| | Số | % | |
| Không có sự bình đẳng | 14 | 10.0 | 10.0 |
| Chưa bình đẳng và cần tiếp tục hoàn thiện | 93 | 66.4 | 76.4 |
| Có sự bình đẳng | 33 | 23.6 | 100.0 |
| Tổng cộng | 140 | 100.0 | X |

(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả)

Như vậy, hoạt động ĐTTTRNN của các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân ngày càng khởi sắc, xong các doanh nghiệp này hoạt động còn manh mún, đơn lẻ. Các DN gặp nhiều khó khăn về vốn, vẫn còn bất bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Thiếu tính liên kết trong hoạt động ĐTTTRNN, đặc biệt với các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân. Nhà nước vẫn chưa tạo được các cơ hội, động lực, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy NĐT tư nhân ĐTTTRNN.

Nguyên nhân

Nhà nước chưa có quỹ hỗ trợ ĐTTTRNN để cho vay hoặc hỗ trợ Nhà đầu tư (NĐT); chưa có những chính sách tạo động lực, tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ hoạt động ĐTTTRNN, đặc biệt cho các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân.

Theo tác giả khảo sát, có tới 40% DN gặp khó khăn về vốn trong ĐTTTRNN. Mặt khác đây là hoạt động vẫn còn khá mới với Việt Nam, lại có nhiều rủi ro nên rất cần có quỹ hỗ trợ ĐTTTRNN để cho vay hoặc hỗ trợ NĐT, đảm

bảo phân nào các rủi ro cho DN xong trong khi với nguồn vốn ngân sách nhà nước hạn chế, các DN hầu hết chưa thu được hiệu quả từ hoạt động này nên nguồn để thành lập quỹ đang gặp không ít khó khăn. Do vậy, trong giai đoạn hiện nay nếu không có những đột phá trong phát huy vai trò nhà nước, hoạt động ĐTTTRNN rất dễ rơi vào vòng luẩn quẩn.

Trong thời gian qua, nhà nước cũng đã tạo điều kiện cho các ngân hàng trong nước thành lập các chi nhánh, đầu tư ra nước ngoài. Tuy nhiên, các ngân hàng mở chi nhánh ĐTTTRNN cũng với mục tiêu kinh doanh hàng đầu, do vậy để tạo những thuận lợi hơn nữa nhằm tháo gỡ những khó khăn về vốn cũng như phòng ngừa rủi ro cho hoạt động này rất cần hình thành các quỹ hỗ trợ cho hoạt động ĐTTTRNN.

Các DNVN ĐTTTRNN thiếu tính liên kết với nhau. Trong khi, khi đầu tư vào Việt Nam các nhà ĐTNN liên kết, giúp đỡ nhau thông qua thành lập hiệp hội các doanh nhân: Hiệp hội các doanh nhân Nhật, Đài Loan, Ấn Độ, Trung Quốc...trên 30 hiệp hội như thế. Trong khi đó các NĐT của Việt Nam hoạt động mang tính riêng lẻ, manh mún, không những không liên kết với nhau mà còn thậm chí giữa các DNVN đôi khi còn xuất hiện tình trạng sang nhượng dự án, cạnh tranh không lành mạnh, chụp giựt, gây khó khăn cho nước bạn. Chính bởi vậy, tại Lào, Trung Quốc, các doanh nghiệp (áp dụng riêng đối với Việt Nam) muốn đầu tư vào nước họ, nhà đầu tư phải có giấy giới thiệu của các cơ quan quản lý nhà nước của Việt Nam.

Thực tế vẫn còn có sự bất bình đẳng giữa các doanh nghiệp sử dụng vốn nhà nước với các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trong hoạt động khuyến khích, hỗ trợ trong ĐTTTRNN do Nhà nước khuyến khích đầu tư trực tiếp ra nước ngoài nhưng có sự kiểm soát của nhà nước.

Các DNVN khi ĐTTTRNN, đặc biệt với các DN thuộc khối kinh tế tư nhân thường hoạt động một cách riêng lẻ, manh mún tại các nước nên đôi khi trở lên lạc lõng, không có cơ

chế liên kết để tăng tiếng nói với các cơ quan có thẩm quyền tại nước sở tại trong khi các DN sử dụng vốn nhà nước phần nào vẫn có đầu mối quản lý chung

Đề xuất một số giải pháp thúc đẩy thành phần kinh tế tư nhân ĐTTTRNN

Thứ nhất, nhà nước thành lập quỹ hỗ trợ đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Việt Nam nhằm hỗ trợ tài chính cũng như bảo đảm phân nào các rủi ro cho các doanh nghiệp khi đầu tư ra nước ngoài.

Do mức độ rủi ro khi ĐTTTRNN thường cao hơn khi đầu tư ở trong nước nên việc thành lập các tổ chức hỗ trợ tài chính và bảo hiểm đầu tư là hết sức cần thiết. Hỗ trợ tài chính và bảo hiểm đầu tư được thành lập nhằm hỗ trợ tài chính cho các dự án ĐTTTRNN khi cần thiết và bảo đảm lợi ích, bảo vệ các doanh nghiệp chống lại rủi ro về chính trị, chiến tranh, tỷ giá,...những rủi ro mà các công ty bảo hiểm thông thường không cung cấp các dịch vụ này.

Thành lập quỹ hỗ trợ ĐTTTRNN hoặc có các cơ chế, chính sách khuyến khích sự ra đời và phát triển quỹ này nhằm hỗ trợ cho các dự án ĐTTTRNN, bảo đảm lợi ích và bảo vệ các doanh nghiệp trước những rủi ro về chính trị và các rủi ro khác mà các công ty bảo hiểm thông thường không thể cung cấp các dịch vụ đó.

Trong bối cảnh, vốn đầu tư là yếu tố đóng vai trò không nhỏ trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp, là nguồn lực cơ bản để giảm bớt tình trạng triển khai dự án chậm tiến độ, gây mất cơ hội đầu tư cho doanh nghiệp thì quỹ đầu tư được coi là nguồn giải cứu đối với các doanh nghiệp cũng như là bệ phóng cho các DN ĐTTTRNN.

Quỹ đầu tư đã ra đời để đáp ứng nhu cầu đầu tư của các cá nhân ở các nước phát triển hoặc nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của đất nước trong việc phát triển kinh tế. Với các nhà đầu tư chưa đủ tiềm lực về tài chính nhưng có quan tâm tới các cơ hội kinh doanh ở nước ngoài thông qua quỹ đầu tư này sẽ huy động vốn và quản lý vốn đã được trao vào tay các

chuyên gia đầu tư nhằm giảm tối đa rủi ro và tăng tối đa hiệu quả kinh tế. Quỹ này đưa ra lời hứa hẹn rằng các nhà đầu tư với số vốn khiêm tốn vẫn có thuận lợi như các nhà tư bản lớn bằng cách dàn trải đầu tư qua một số các lĩnh vực đầu tư khác nhau.

Trong trường hợp nhà nước còn khó khăn về nguồn khi thành lập các quỹ hỗ trợ thì nhà nước cần có những chính sách cụ thể ưu đãi về vốn vay, vay vốn ưu đãi đặc biệt, về các can thiệp cấp Chính phủ,...Nhà nước không nên can thiệp vào nguồn vốn đầu tư, cơ cấu vốn đầu tư của các DN thuộc khu vực kinh tế tư nhân mà chỉ can thiệp vào các nguồn vốn do nhà nước cấp. Ngoài ra, nhà nước cần có quỹ để hỗ trợ một khoản tài chính để DN nghiên cứu đầu tư, tìm hiểu cơ hội đầu tư và chỉ được quyết toán các khoản kinh phí này khi có dự án đầu tư được thực hiện hoặc cho DN vay vốn ưu đãi không lãi suất hay lãi suất thấp để đầu tư.

Đối tượng được hỗ trợ vay vốn: những dự án có tầm ảnh hưởng lớn đối với nước tiếp nhận vốn; những dự án có tính khả thi cao; Những dự án khai thác nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản xuất trong nước...

Thứ hai, để doanh nhân Việt đi chắc trên còn đường hội nhập, Nhà nước cần tạo sân chơi minh bạch để mọi đối tượng đều có được tiếp cận bình đẳng với các cơ hội đầu tư.

Tạo sự bình đẳng thực sự giữa các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân với các doanh nghiệp sử dụng vốn nhà nước khi tham gia ĐTTTRNN bằng cách tạo các văn bản pháp lý gắn liền với các hướng dẫn cụ thể này. Bên cạnh đó, cần thiết tạo sự công bằng theo chiều dọc, doanh nghiệp sử dụng vốn nhà nước thì cần phải được kiểm soát chặt chẽ hơn, đảm bảo sử dụng vốn ngân sách một cách hợp lý, hiệu quả. Tạo sự bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp, bình đẳng cả về quyền lợi, trách nhiệm cũng như nghĩa vụ trước pháp luật. Từ trước đến nay, các văn bản, hướng dẫn thường gắn với hoạt động ĐTTTRNN cho các tập đoàn, DNN.

Thứ ba, kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, hầu hết các nước có hoạt động đầu tư lớn vào nước ta đều thành lập hiệp hội các nhà đầu tư của nước họ. Và cũng vậy, với nước ta, thành lập hiệp hội doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài sẽ là cầu nối quan trọng giữa chính phủ Việt Nam với các doanh nghiệp. Hiệp hội này cần chủ động, tích cực hoạt động với mục đích tôn chỉ là bảo vệ quyền lợi và hỗ trợ các doanh nghiệp giải quyết các vướng mắc trong quá trình sản xuất kinh doanh ở nước ngoài.

Để tránh các DNVN khi thực hiện ĐTTTRNN thường hoạt động một cách riêng lẻ, manh mún tại các nước, thậm chí còn cạnh tranh với nhau, không có cơ chế liên kết để tăng tiếng nói với các cơ quan có thẩm quyền tại nước sở cũng như khi phản ánh tâm tư nguyện vọng của họ về cơ chế, chính sách có liên quan đến NĐT Việt Nam cần thành lập Hiệp hội các NĐT ở nước ngoài. Qua đó, các nhà đầu tư Việt Nam hỗ trợ lẫn nhau tìm hiểu và tháo gỡ những khó khăn vướng mắc có liên quan đến hoạt động đầu tư ở nước sở tại.

Hiệp hội các NĐT Việt Nam ĐTTTRNN ở từng nước nhằm tăng cường sự hợp tác, liên kết hỗ trợ lẫn nhau, đồng thời để bảo vệ quyền lợi của các NĐT ở nước ngoài. Khi có cơ hội, nhà nước có thể thông qua các NĐT để mua lại các tài sản chiến lược, cổ phần của các tập đoàn lớn ở nước ngoài, khi đó các cơ sở mua lại sẽ là chỗ dựa đáng tin cậy để cộng đồng của các doanh nghiệp, doanh nhân đang ĐTTTRNN. Đồng thời, qua đó khuyến khích các doanh nghiệp trong nước liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp Việt Kiều nhằm phát huy vai trò cầu nối của các doanh nhân Việt Nam trong việc thúc đẩy quan hệ hợp tác thương mại và đầu tư, khai thác những lợi thế về kinh nghiệm thị trường và mối quan hệ với chính quyền nước sở tại./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kết quả khảo sát các doanh nghiệp trong bảng xếp hạng lớn nhất VN được Vietnam Report công bố chiều 14-12 .vn/tin/kinh-te/20161215/45-doanh-nghiep-viet-nam-muon-dau-tu-ra-nuoc-ngoai/1236490.html. Truy cập [11.02.2017]

2. <http://fia.mpi.gov.vn/detail/5022/toa-dam-ket-noi-dau-tu-viet-nam-%E2%80%93cu-ba>.
Truy cập [13.02.2017]

3. <https://www.vinamilk.com.vn/vi/vung-nguyen-lieu/chi-tiet-tin/383/1260/vinamilk-40-nam-vuon-cao-viet-nam-vuon-tam-the-gioi>
4. http://www.hagl.com.vn/Group_Pages/Show/21. [Truy cập: 16/9/2016]

SUMMARY

MOTIVATION FOR CREATION OF ENTERPRISES UNDER THE PRIVATE SECTOR OUTWARD FOREIGN DIRECT INVESTMENT

Nguyễn Thị Nhung¹, Phan Thị Van Giang^{2*}

¹University of Economics and Business Administration – TNU

²Thai Nguyen University

Outward foreign direct investment (OFDI) growing strongly in recent decades and really become a basic characteristic of the modern economy. In 2016, Vietnam's economy went into deep integration with the world economy. To modernize the economy, develop the capacity to take innovative private sector centered, whether this is the key to open the line shifts to a higher position in the value chain in the country industrial. Outward foreign direct investment not only brings the second cake business, which is now the opportunity to assert its brand in the international arena. In fact, the role and capacity of the private sector in recent times has been focused more and more on Vietnam to become an important engine of the economy, but in a competitive environment. Fierce, when the business reaches the sea, the private sector needs to continue to be the State creates opportunities, be fair competition and receive much support from the State. Using the secondary data analysis method combined with the survey results of the author's OFDI, the author has studied the status of the OFDI of the private sector enterprises, thus proposing 3 solutions, this is to create momentum for the components of this business.

Keywords: *investment, foreign investment, the private economy, investment, investment projects.*

Ngày nhận bài: 16/02/2017; Ngày phản biện: 13/3/2017; Ngày duyệt đăng: 28/6/2017

* Tel: 0912417207; Email: giangptv@tmu.edu.vn